TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 - ĐIỆN BIÊN** **TỈNH ĐIỆN BIÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2026/HNGĐ-ST
Ngày 09/02/2026
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - ĐIỆN BIÊN, TỈNH ĐIỆN BIÊN
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lò Văn Dinh.**

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông: **Bùi Như Lữ.**

2. Ông: **Lường Văn Dũng.**

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Hoàng Công Hoàn - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Điện Biên.

Ngày 09 tháng 02 năm 2026 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Điện Biên tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 48/2025/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2025, về việc: Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: .08/2026/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 01 năm 2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Giàng Thị B - Sinh năm: 2001.

Nơi cư trú: Bản T G B, xã Xa Dung, tỉnh Điện Biên - Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Hạ A T - Sinh năm: 1996.

Nơi cư trú: Bản T G B, xã Xa Dung, tỉnh Điện Biên - Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện ngày 19/12/2025, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa ngày hôm nay, nguyên đơn chị Giàng Thị B trình bày:

* Về hôn nhân: Chị và anh Hạ A T sau một thời gian tìm hiểu và muốn được sống cùng với nhau, anh chị báo cáo hai bên gia đình, được sự nhất trí hai bên gia đình anh chị tiến tới hôn nhân, tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương và đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 15/02/2019 tại UBND xã Phì Nhừ, huyện Điện Biên Đông, anh chị xây dựng gia đình và đăng ký kết hôn với nhau là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc, anh chị về sống chung với nhau hạnh phúc, cho đến thời gian gần đây mới phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là anh Hạ A T có

quan hệ bên ngoài xã hội không lành mạnh, anh T không quan tâm, chăm lo đến cuộc sống gia đình, từ đó giữa vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau. Anh T thường đi làm thuê không thường xuyên ở nhà, về nhà không quan tâm đến vợ con, từ đó tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt, trong cuộc sống hàng ngày tuy sống chung nhà nhưng không quan tâm đến cuộc sống của nhau, việc ai người đó làm. Nay chị thấy không còn tình cảm vợ chồng với anh T nữa, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó chị đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 2 – Điện Biên giải quyết cho chị được ly hôn với anh Hạ A T .

* Về con chung, con riêng, con nuôi: Anh chị có 03 con chung gồm các cháu Hạ Thị Sức, sinh ngày 26/11/2020; Hạ Thị Ghênh, sinh ngày 01/8/2022; Hạ Minh Thiên, sinh ngày 14/5/2024. Tại đơn khởi kiện và bản tự khai khi ly hôn chị có nguyện vọng trực tiếp trông nom chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho cháu Hạ Minh Thiên, còn các cháu Hạ Thị Sức, Hạ Thị Ghênh để cho anh Hạ A T trực tiếp trông nom chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ tuổi thành niên và có khả năng lao động. Tại phiên tòa chị thay đổi do các cháu Hạ Thị Ghênh, sinh ngày 01/8/2022; Hạ Minh Thiên, sinh ngày 14/5/2024 tuổi nhỏ cần sự chăm sóc của người mẹ nhiều hơn nên khi ly hôn chị có nguyện vọng trực tiếp trông nom chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho các cháu Hạ Thị Ghênh, sinh ngày 01/8/2022; Hạ Minh Thiên, sinh ngày 14/5/2024. Cháu Hạ Thị Sức, sinh ngày 26/11/2020 cho anh Hạ A T trực tiếp trông nom chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ tuổi thành niên và có khả năng lao động. Chị không yêu cầu anh Hạ A T cấp dưỡng nuôi con cùng với chị và chị cũng không có điều kiện cấp dưỡng nuôi con cùng với anh T .

* Về tài sản chung, tài sản riêng và công nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã đến tống đạt các Thông báo và Quyết định của Tòa án cho bị đơn anh Hạ A T , nhưng không tống đạt trực tiếp được cho anh T , do anh T thường xuyên đi làm thuê nên hay vắng nhà. Tòa án đã tiến hành giao các Thông báo và Quyết định của Tòa án cho bố đẻ của anh T là ông Hạ A Pó, ông Pó cam đoan là sẽ có trách nhiệm giao các Thông báo và Quyết định của Tòa án cho anh T đúng thời hạn. Tuy nhiên anh Hạ A T không gửi bất cứ tài liệu, chứng cứ gì ghi ý kiến của mình cho Tòa án.

* Tại đơn xác nhận của chính quyền địa phương về tình trạng hôn nhân của vợ chồng chị B và anh T tại bản T G B, xã Xa Dung, tỉnh Điện Biên: Chị B và anh T về chung sống và đăng ký kết hôn với nhau từ ngày 15/02/2019, anh chị về chung sống và đăng ký kết hôn với nhau là hoàn toàn tự nguyện. Trong cuộc sống hàng ngày giữa vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, anh chị hiện tuy sống chung nhà nhưng không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Chị B và anh T hiện đều có sức khỏe lao động sản xuất, anh chị hiện đều đang làm ruộng, nương tại địa phương. Cả hai anh chị đều có điều kiện nuôi con ngang nhau.

* Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo hợp lệ về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần cho anh T ,

nhưng anh T đều vắng mặt không có lý do nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được.

* Về án phí: Chị Giàng Thị B là dân tộc thiểu số, sinh sống ở nơi có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, chị có đơn xin miễn án phí, căn cứ vào khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12; 15 Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, cần miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho chị B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân gia đình nguyên đơn và bị đơn cùng trú tại bản T G B, xã Xa Dung, tỉnh Điện Biên. Vậy, Toà án nhân dân khu vực 2 - Điện Biên thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành tống đạt thông báo thụ lý vụ án cho các đương sự; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải và quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa. Do anh T không thường xuyên ở nhà nên Tòa án không tống đạt trực tiếp được các thông báo và quyết định của Tòa án cho anh T , Tòa án đã tiến hành giao các văn bản tố tụng đó cho bố đẻ anh T đảm bảo đúng quy định pháp luật. Trong quá trình giải quyết Tòa án thông báo hợp lệ về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần cho anh T , nhưng anh T đều vắng mặt không có lý do, Chị B đề nghị không tiến hành hòa giải nên vụ án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh Hạ A T được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, chị Giàng Thị B có mặt tại phiên tòa. Do vậy, căn cứ vào khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh T theo quy định của pháp luật.

[2]. **Về nội dung vụ án**: Xét quan hệ hôn nhân chị B và anh T sau khi tìm hiểu yêu thương nhau, được sự nhất trí của hai bên gia đình anh chị tiến tới hôn nhân, có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán của địa phương, anh chị đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 15/02/2019 tại UBND xã Phì Nhừ, huyện Điện Biên Đông, tỉnh Điện Biên. Việc anh chị về chung sống và đăng ký kết hôn với nhau là trên cơ sở tự nguyện không bị ép buộc, tuân thủ các quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình. Vậy cuộc hôn nhân giữa chị Giàng Thị B và anh Hạ A T là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Cuộc sống chung của anh, chị hoà thuận, hạnh phúc, đến thời gian gần đây bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T có quan hệ bên ngoài xã hội không lành mạnh, từ đó giữa vợ chồng thường xuyên xẩy ra tranh cãi nhau. Anh T đi làm thuê ít về nhà trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày không còn quan tâm đến nhau. Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm mở phiên tòa, Tòa án đã giao các văn bản tố tụng cho bố đẻ anh T theo quy định. Tuy nhiên anh T không gửi cho Tòa án văn bản nào ghi ý kiến của mình. Tại đơn xác

nhận của chính quyền địa phương về tình trạng hôn nhân, nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn giữa chị B và anh T . Như vậy Hội đồng xét xử xét thấy hiện chị B và anh T không còn tình cảm vợ chồng với nhau, cuộc sống chung không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được do vậy, HĐXX cần chấp nhận đơn xin ly hôn của chị B đối với anh T . Tuyên xử cho chị B được ly hôn với anh T là phù hợp theo quy định tại Điều khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3]. Về con chung: Anh chị có 03 con chung, các cháu Hạ Thị Sức, sinh ngày 26/11/2020; Hạ Thị Ghênh, sinh ngày 01/8/2022; Hạ Minh Thiên, sinh ngày 14/5/2024.

Xét thấy nguyện vọng của chị Giàng Thị B phù hợp với đơn xác nhận của chính quyền địa phương về điều kiện nuôi con của anh T và chị B. Tại phiên tòa chị B thay đổi nguyện vọng về người trực tiếp nuôi con, xét điều kiện nuôi con của chị B là đảm bảo việc nuôi con. Do đó cần giao các cháu Hạ Minh Thiên, sinh ngày 14/5/2024, Hạ Thị Ghênh, sinh ngày 01/8/2022 cho chị Giàng Thị B trực tiếp trông nom chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Giao cháu Hạ Thị Sức, sinh ngày 26/11/2020 cho anh Hạ A T trực tiếp trông nom chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Cho đến khi các cháu đủ tuổi thành niên và có khả năng lao động. Chị B không yêu cầu anh Hạ A T cấp dưỡng nuôi con cùng với chị và chị cũng không có điều kiện cấp dưỡng nuôi con cùng với anh T .

[4] Về tài sản chung: Chị Giàng Thị B và anh Hạ A T không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về công nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

[6]. Về án phí: Chị Giàng Thị B là dân tộc thiểu số sinh sống nơi có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, chị B có đơn xin miễn án phí. Căn cứ vào khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 15 Nghị quyết số: 326/2016 của UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, cần miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho chị B.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

* Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 207, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2025;

* Căn cứ Điều 8; khoản 1 Điều 9; các Điều 51; 53; 56; 57; 58; các Điều 69; 70; 71 các Điều 81; 82; 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

* Căn cứ vào khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 15 nghị quyết số: 326/2016 của UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1.Về hôn nhân: Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Giàng Thị B. Chị Giàng Thị B được ly hôn với anh Hạ A T .

2.Về con chung: Giao các cháu Hạ Minh Thiên, sinh ngày 14/5/2024, Hạ Thị Ghênh, sinh ngày 01/8/2022 cho chị Giàng Thị B trực tiếp trông nom chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Giao cháu Hạ Thị Sức, sinh ngày 26/11/2020 cho anh Hạ A T trực tiếp trông nom chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Cho đến khi các cháu đủ tuổi thành niên và có khả năng lao động. Chị B không yêu cầu anh Hạ A T cấp dưỡng nuôi con cùng với chị và chị B không phải cấp dưỡng nuôi con cùng với anh T .

Anh Hạ A T và chị Giàng Thị B được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được quyền cản trở. Quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con có thể được thay đổi sau ly hôn khi có yêu cầu.

3. Về tài sản chung và công nợ: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho chị Giàng Thị B.

Căn cứ vào Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự: chị Giàng Thị B có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ngày 09/02/2026. Anh Hạ A T vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND Khu vực 2;
- CCTHADS tỉnh Điện Biên;
- Phòng GĐ TTr, KT - THA TAND tỉnh ĐB;
- UBND xã Xa Dung;
- Lưu: HSVA.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lò Văn Dinh